

R

BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CHƯƠNG TRÌNH KHCN 07

BÁO CÁO TỔNG HỢP

**ĐỀ TÀI: "NGHIÊN CỨU MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI
VÀ NHÂN VĂN TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG
NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ PHỤC VỤ VIỆC
SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG Ở VIỆT NAM "**

(KHCN 07-14)

Chủ nhiệm đề tài: TS HÀ HUY THÀNH
Cơ quan chủ trì đề tài: VIỆN KINH TẾ HỌC
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

HÀ NỘI, 2-200

65M

M19107

MỤC LỤC

	Lời nói đầu	i -v
Chương I:	Quan hệ giữa xã hội và môi trường trong quá trình phát triển	1
I.1:	Bản chất của mối quan hệ giữa xã hội và môi trường: triết lý tổng quát	1
I.2	Tiến trình phát triển và mối quan hệ giữ xã hội và tự nhiên: những khả năng xung đột	18
I.2.1	Xã hội nguyên thủy	19
I.2.2	Làn sóng văn minh nông nghiệp	19
I.2.3	Cách mạng công nghiệp và làn sóng văn minh công nghiệp	22
I.2.4	Kinh tế thị trường hiện đại, cách mạng khoa học công nghệ và toàn cầu hoá - làn sóng hậu công nghiệp. Sự phát triển hiện tại	28
I.2.5.	Phát triển bền vững, yêu cầu tất yếu của việc tái lập sự cân bằng giữa con người xã hội, phát triển và môi trường	36
I.3	Những vấn đề xã hội nhân văn trong việc khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam	41
Chương II	Phát triển kinh tế và sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	48
II.1	Một số vấn đề chung	48
II.2	Thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam	64
II.3	Một số vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam	86
Chương III	Tiến trình dân số và việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	92
III.1	Dân cư và việc khai thác tài nguyên môi trường	93
III.2	Dân cư nông thôn và môi trường, tài nguyên	96
III.3	Dân cư đô thị và môi trường, tài nguyên	103

III.4	Dân cư các vùng miền núi và dân tộc ít người và môi trường, tài nguyên	116
III.5	Dân cư và môi trường, tài nguyên vùng duyên hải	125
III.6	Phân tầng xã hội, phân hoá giàu nghèo và tác động của chúng đến việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	130
III.7	Một số giải pháp nhằm khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững	138
Chương IV	Một số vấn đề phong tục, tập quán, luật pháp, đạo đức sinh thái và văn hoá môi trường trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường .	139
IV.1	Những phong tục tập quán - trong đời sống xã hội và việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	139
IV.2	Luật pháp và việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	149
IV.2.1	Luật pháp về tài nguyên, môi trường Việt Nam: các giai đoạn phát triển	149
IV.2.2	Tổ chức thực hiện pháp luật về môi trường tài nguyên	153
IV.3	Một số vấn đề về đạo đức liên quan đến việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	157
IV.3.1	Đạo đức, đạo đức sinh thái: một số vấn đề cơ bản	
IV.3.2	Vấn đề xác định các chuẩn mực và hành vi đạo đức sinh thái cần thiết đối với quá trình tiếp tục khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay	165
IV.3.3	Sự chuyển đổi các giá trị đạo đức sinh thái trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam hiện nay và một số giải pháp xây dựng đạo đức sinh thái mới phù hợp với mục tiêu khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	172

IV.4	Một số vấn đề văn hoá trong lĩnh vực sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	176
IV.4.1	Văn hoá môi trường: khái niệm	176
IV.4.2	Những đặc trưng của văn hoá môi trường Việt Nam truyền thống	179
IV.4.3	Những đặc trưng của văn hoá môi trường hiện đại	185
IV.4.4	Vấn đề xã hội hoá văn hoá môi trường	196
IV.4.5	Vấn đề thể chế hoá và hiệu lực hoá văn hoá môi trường	199
	Một vài kết luận	204
Phụ lục 1	Danh sách các nhà khoa học tham gia đề tài	
Phụ lục 2	Tài liệu tham khảo	

LỜI NÓI ĐẦU

Đề tài "*nghiên cứu một số vấn đề xã hội và nhân văn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa phục vụ việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam*" mã số KHCN 07 -14 thuộc chương trình khoa học công nghệ "Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường" mã số KHCN 07 có các *mục tiêu* sau đây:

1. Nghiên cứu một số vấn đề xã hội, nhân văn có tác động (tích cực và tiêu cực) đến việc khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. Cung cấp những luận cứ khoa học, những gợi ý chính sách nhằm phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực của những vấn đề xã hội nhân văn trong việc khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

Với tư cách một đề tài độc lập và đầy đủ với ý nghĩa khoa học của nó thì đây là đề tài mới. Điều này hàm ý rằng các vấn đề xã hội nhân văn trong việc khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường còn là "mảnh đất hoang" chưa hề được nghiên cứu. Trên thực tế, ở nhiều đề tài thuộc chương trình KHCN-07 cũng như ở các chương trình khoa học khác, các vấn đề xã hội nhân văn có tác động đến việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cũng đã được nghiên cứu ở những mức độ nông sâu khác nhau. Điều này hàm ý rằng, đề tài KHCN 07-14 có thể sử dụng các kết quả nghiên cứu của các chương trình đề tài nghiên cứu khác đã có.

Tuy nhiên, phù hợp với các nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra cho đề tài thì trong tập hợp rộng lớn những vấn đề xã hội nhân văn có tác động đến việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường nói chung đó, đề tài phải xác định những vấn đề có tác động *manh nhất, trực tiếp nhất để nghiên cứu kỹ hơn, sâu hơn.*

Để đạt được những nhiệm vụ mục tiêu nêu trên, đề tài đã tiến hành các bước sau: .

Bước 1: Tổ chức các cuộc hội thảo khởi động để nhận diện hệ các vấn đề cần nghiên cứu với sự tham gia của các nhà khoa học kinh tế

khoa học xã hội nhân văn, các nhà khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường.

Tại các cuộc hội thảo đó, các nhà khoa học đã áp dụng cách tiếp cận lịch sử, cách tiếp cận tổng thể và logic để xác định, tổ chức các vấn đề nghiên cứu.

Từ *cách nhìn lịch sử*, chúng ta thấy rằng, quá trình tiến hoá của tự nhiên đã dẫn tới sự xuất hiện con người. Con người bước vào lịch sử của mình bằng lao động sản xuất ra của cải vật chất, và trên cơ sở của hoạt động sản xuất ra của cải vật chất đó, con người tự tổ chức thành xã hội loài người. Như vậy xã hội loài người đã hình thành trong quá trình tiến hoá của thế giới vật chất và là một dạng tổ chức đặc thù của thế giới vật chất đó.

Là sản phẩm của sự tiến hoá của thế giới vật chất và là một hình thái tổ chức đặc thù của thế giới vật chất, xã hội tồn tại và vận động trong thế giới tự nhiên. *Mối quan hệ giữa con người và xã hội loài người với tự nhiên, do vậy, là nền tảng của sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.*

K.Marc đã từng chỉ ra rằng, có 3 nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người: Hoàn cảnh địa lý, dân cư và phương thức sản xuất. Trong điều kiện hiện đại, ba nhân tố này có thể được xem là môi trường tự nhiên, xã hội và kinh tế.

Môi trường mà đề tài xem xét ở đây không phải là thế giới tự nhiên nói chung, bất kỳ mà là thế giới tự nhiên được đặt trong mối quan hệ mật thiết với sinh hoạt sống và phát triển của con người và xã hội loài người.

Khi đi sâu xem xét kỹ hơn mối quan hệ này - quan hệ giữa môi trường - tự nhiên, xã hội và kinh tế, đề tài đã áp dụng *cách tiếp cận tổng thể* và lấy quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin làm điểm tựa chính. Theo quan điểm của Mác-Lênin thì *kinh tế* là yếu tố căn bản chi phối quan hệ giữa môi trường tự nhiên, xã hội và con người. Đến lượt mình, để hiểu và phân tích yếu tố kinh tế theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin thì *phương thức sản xuất là yếu tố căn bản*. Phương thức sản xuất là cách thức con người tiến hành sản xuất và tái sản xuất ra của cải. Phân tích phương thức sản xuất cho phép chúng ta hiểu rõ bản chất của xã hội con người. Phương thức sản xuất là sự thống nhất của mối quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Lực

lượng sản xuất là yếu tố cấu thành nội dung vật chất của quá trình sản xuất và thể hiện ra ở mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Do đó để hiểu được thực chất mối quan hệ giữa con người và tự nhiên phải xem xét quá trình sản xuất ở khía cạnh *lực lượng sản xuất*.

Như vậy, để xem xét mối quan hệ giữa con người - xã hội - môi trường, trong cách tiếp cận tổng thể, và theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, chúng ta chọn kinh tế làm yếu tố căn bản, trong kinh tế chúng ta lấy phương thức sản xuất làm yếu tố căn bản, còn trong phương thức sản xuất thì yếu tố lực lượng sản xuất là yếu tố căn bản. Tuy nhiên đề tài không xem đó là những yếu tố duy nhất mà rất chú trọng hạt nhân hợp lý của các cách tiếp cận khác, ví dụ như cách tiếp cận theo các khía cạnh hoặc là các mặt của mối quan hệ con người xã hội môi trường như *số lượng chất lượng của dân số, phong tục, tập quán, luật pháp, đạo đức, văn hoá* của con người và xã hội loài người trong ứng xử với môi trường tự nhiên.

Lịch sử của nhân loại là lịch sử thay đổi các phương thức sản xuất. Thích ứng với phương thức sản xuất khác nhau, trên cơ sở một lực lượng sản xuất và một quan hệ sản xuất nhất định sẽ có một quan hệ nhất định giữa con người, xã hội và tự nhiên. Mối quan hệ giữa con người, xã hội, môi trường được đề cập ở đây là mối quan hệ giữa con người, xã hội và môi trường đang diễn ra trong bước chuyển biến cách mạng từ xã hội chậm phát triển sang xã hội phát triển, chuyển xã hội từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Nội dung của cuộc cách mạng này là sự thay đổi trong PTSX với hai quá trình cơ bản: quá trình thị trường hóa và quá trình công nghiệp hóa. Hai quá trình này dẫn tới việc *xác lập PTSX mới: PTSX này được đặc trưng bởi hệ kinh tế thị trường - công nghiệp*. Chủ đề nghiên cứu của công trình này được xem xét trong bối cảnh diễn ra quá trình xác lập hệ kinh tế thị trường - công nghiệp với hai quá trình thị trường hoá và công nghiệp hoá. Câu hỏi đặt ra ở đây là, trong quá trình thị trường hoá và công nghiệp hoá mối quan hệ giữa con người, xã hội và môi trường sẽ thay đổi như thế nào? Tài nguyên thiên nhiên, một nội dung chủ yếu của môi trường và bản thân môi trường chịu sự tác động của quá trình thị trường và công nghiệp hoá ra sao? Dưới sự tác động của quá trình thị trường hoá và công nghiệp hoá, để tái lập một môi trường tốt cho cuộc sống hiện đại và duy trì một nền tảng phát triển bền vững

cần phải giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, nhân văn nào và trên cơ sở những nguyên lý nào? Nói khác đi, môi trường và việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở đây được xem xét, trong tính quyết định của quá trình thị trường hoá và công nghiệp hoá. Bằng hệ kinh tế thị trường, công nghiệp thực hiện sự phát triển, con người đã mở rộng ngày càng nhanh không gian sống và sử dụng ngày càng nhiều tài nguyên thiên nhiên. Tuồng như sự phát triển tất dẫn tới giới hạn cuối cùng của môi trường và con người phải đối mặt với cái giới hạn chật hẹp đó. Mối quan hệ giữa con người, xã hội và môi trường, không chỉ là những vấn đề tăng trưởng sản xuất cho nhanh để tạo ra cho nhiều của cải cho cuộc sống, vấn đề rốt cuộc, là ở chỗ quy về việc con người phải đối mặt với môi trường, với giới tự nhiên.

Đối mặt với môi trường và giới tự nhiên, con người phải đối mặt với vấn đề nền tảng của cuộc sống, nền tảng của sự phát triển lâu dài, bền vững. Ở đây vấn đề đã nâng lên tầm triết lý của sự sống, triết lý của sự phát triển. Như vậy, mối quan hệ giữa con người, xã hội và giới tự nhiên trong quá trình công nghiệp hoá là một chủ đề rộng lớn và sâu sắc có quan hệ mật thiết với toàn bộ sinh hoạt sống và phát triển của con người và xã hội. Trong giới hạn của chương trình KHCN 07 "Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường", đề tài KHCN 07 - 14 không thể triển khai tất cả các khía cạnh của vấn đề rộng lớn của mối quan hệ giữa con người, xã hội và giới tự nhiên, mà chỉ giới hạn trong những nội dung xã hội và nhân văn chủ yếu nảy sinh từ mối quan hệ giữa con người, xã hội và môi trường trong quá trình CHN.:

Từ cách nhìn lịch sử, tổng thể và lôgic về mối quan hệ con người - xã hội - môi trường tự nhiên như đã trình bày đề tài đã xác định một số vấn đề xã hội - nhân văn chủ yếu sau đây là những đối tượng nghiên cứu của đề tài:

1. Phát triển kinh tế và việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.
2. Tiến trình dân số và việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
3. Những vấn đề phong tục tập quán, luật pháp đạo đức và văn hoá môi trường trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Bước hai, song song với việc nghiên cứu lý thuyết về những vấn đề xã hội nhân văn đã lựa chọn đề tài đã tổ chức một số cuộc khảo sát thực tế ở một số vùng kinh tế sinh thái tiêu biểu. Một là vùng Tây Nguyên đại diện cho khu vực miền núi và vùng đồng bào các dân tộc, nơi có sự phát triển kinh tế khá tốt, nhưng cũng là nơi có nhiều vấn đề về khai thác tài nguyên rừng, nơi có sự xung đột khá gay gắt giữa vấn đề di dân và khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường v.v.. Hai là vùng Quảng Ninh Móng Cái, đại diện cho vùng công nghiệp khai thác khoáng sản và thương mại biên giới khá sôi nổi. Ba là vùng ven biển và đầm phá của tỉnh Thừa - Thiên - Huế nơi có sự xung đột khá gay gắt giữa kinh tế, xã hội và tự nhiên môi trường.

Mục tiêu của các cuộc khảo sát thực tế này là kiểm nghiệm trên thực tế sự tác động (tích cực, tiêu cực) của những vấn đề xã hội nhân văn đã lựa chọn đến việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở các vùng khác nhau của đất nước. Kết quả khảo sát cho thấy sự lựa chọn của đề tài là đúng đắn.

Bước ba: Tổ chức các cuộc hội thảo khoa học rộng rãi để góp ý, bổ sung, sửa đổi nội dung, số liệu v.v... của các chuyên đề - theo các vấn đề đã lựa chọn - do các thành viên chính tham gia đề tài chuẩn bị.

Bước bốn: Ban Chủ nhiệm đề tài đã viết báo cáo tổng hợp đề tài trên cơ sở các báo cáo chuyên đề.

Báo cáo tổng hợp này đã được bổ sung, sửa đổi một số nội dung theo yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và có kết cấu như sau:

Chương I. Quan hệ giữa xã hội và môi trường trong quá trình phát triển

Chương II. Phát triển kinh tế và sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Chương III. Tiến trình dân số và sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Chương IV. Một số vấn đề về phong tục, tập quán, về luật pháp, về đạo đức sinh thái và văn hoá môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Vài lời kết luận và kiến nghị

Phụ lục:

- Tài liệu tham khảo
- Danh sách các nhà khoa học tham gia nghiên cứu đề tài.

CHƯƠNG I

QUAN HỆ GIỮA XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1.1. BẢN CHẤT CỦA MỐI QUAN HỆ GIỮA XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG: TRIẾT LÝ TỔNG QUÁT

■ Quá trình tiến hoá của tự nhiên đã dẫn tới sự xuất hiện con người. Con người bước vào lịch sử của mình bằng hoạt động lao động sản xuất ra của cải vật chất và trên cơ sở của hoạt động sản xuất ra của cải vật chất đó, con người tự tổ chức thành xã hội loài người. Vậy là, xã hội loài người đã hình thành trong tiến trình tiến hoá của thế giới vật chất và là *một dạng tổ chức đặc thù của thế giới vật chất đó*. F. Anghen trong tác phẩm “phép biện chứng của tự nhiên” đã xếp xã hội vào hình thức vận động thứ năm của vật chất.

Là sản phẩm của sự tiến hoá của thế giới vật chất và là một hình thái tổ chức đặc thù của thế giới vật chất, xã hội tồn tại và vận động trong thế giới tự nhiên. Mối quan hệ giữa con người và xã hội loài người với giới tự nhiên do vậy là nền tảng của sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

K. Marx đã chỉ ra rằng, có ba yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người: Hoàn cảnh địa lý, dân số và phương thức sản xuất. Trong điều kiện hiện đại, ba nhân tố này có thể được xem là các nhân tố môi trường tự nhiên, xã hội và kinh tế.

Môi trường là khái niệm dùng để chỉ tổng thể các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo bao quanh con người, có quan hệ mật thiết đến sinh hoạt sống và phát triển của con người và xã hội loài người. Khái niệm môi trường ở đây không phải là thế giới tự nhiên nói chung, bất kỳ mà là thế giới tự nhiên đặt trong mối quan hệ mật thiết với sinh hoạt sống và phát triển của con người và xã hội loài người.